TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2019
V/v tranh chấp: Ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Trương Lạnh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A, tổ B, thôn AB, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Trương Lạnh T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, tổ B, thôn AB, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2018, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà và ông Trương Lạnh T kết hôn vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu sau đó phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ với nhau trong xây dựng hạnh phúc gia đình, ông T bỏ bê gia đình không quan tâm chăm sóc vợ con, giữa vợ chồng không có sự tôn trọng, tin tưởng nhau. Từ năm 2015, vợ chồng thống nhất quyết định cho bà đi làm ăn ở nước ngoài để có điều kiện phát triển kinh tế và có thời gian để suy nghĩ về quan hệ hôn nhân nhưng trong thời gian 04 năm sống ly thân mâu thuẫn không được hòa giải và ông T đổ lỗi mọi chuyện do bà tự ý quyết định nên giữa vợ chồng ít có sự quan tâm đến nhau và tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được. Nay bà H xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Lạnh T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trương Lê Quang V, sinh ngày 11/8/2003 và Trương Lê MH, sinh ngày 02/6/2008. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao ông Trương Lạnh T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Trương Lê Quang V, sinh năm 11/8/2003 và Trương Lê MH, sinh ngày 02/6/2008 cho đến khi các con chung thành niên; bà H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung với mức 1.000.000đ/tháng/cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2019, bị đơn ông Trương Lạnh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Lê Thị H tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, ông luôn tôn trọng quyết định của bà Lê Thị H từ việc bà H tự ý bán nhà ở Sài Gòn không được sự đồng ý của ông, tự ý sử dụng tiền bán nhà cho đến khi đi lao động nước ngoài trong 04 năm. Trong thời gian bà H đi lao động nước ngoài, ông phải đi làm lo cho các con trong khi đó bà H chỉ gửi cho con được 4.000.000đ; con đi mổ tay chi phí hết 100.000.000đ mà chỉ gửi về 20.000.000đ vì vậy nên vợ chồng ít liên lạc với nhau, ít có sự quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện nay vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trương Lê Quang V, sinh ngày 11/8/2003 và Trương Lê MH, sinh ngày 02/6/2008. Do không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến về việc nuôi con chung, ông tôn trọng quyền quyết định của các muốn sống với bố hoặc sống với mẹ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc ly hôn ông Trương Lạnh T; về con chung giao ông Trương Lạnh T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Trương Lê Quang V, sinh năm 11/8/2003 và Trương Lê MH, sinh ngày 02/6/2008 cho đến khi các con chung thành niên; bà H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung với mức 1.000.000đ/tháng/cháu; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Trương Lạnh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Lạnh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án, không thuộc trường hợp bất khả kháng nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Trương Lạnh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trương Lạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống trong thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ với nhau trong xây dựng hạnh phúc gia đình; ông T không có sự tôn trọng, tin tưởng vợ, thường xuyên xúc phạm và coi thường công sức đóng góp của bà H đối với gia đình. Từ năm 2015 vợ chồng

không cùng chung sống; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do ông bà đều không có thiện chí để hòa giải, ít có sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Hiện nay vợ chồng cùng chung sống nhưng thường xuyên xảy ra cãi vã và không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bị đơn trình bày do trong cuộc sống chung bà H tự ý quyết định không có sự tôn trọng ý kiến của chồng; trong thời gian bà H đi lao động nước ngoài, ông phải đi làm lo cho các con còn bà H thiếu trách nhiệm chăm lo cho chồng con nên vợ chồng ít liên lạc và ít có sự quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Trương Lạnh T mâu thuẫn trầm trọng; giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau; mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H được ly hôn ông Trương Lạnh T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Lê Thị H và ông Trương Lạnh T có 02 con chung là cháu Trương Lê Quang V, sinh ngày 11/8/2003 và Trương Lê MH, sinh ngày 02/6/2008 nên ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc. Trong thời gian vợ chồng không cùng chung sống, ông Trương Lạnh T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và nguyện vọng của cháu Trương Lê Quang V và Trương Lê MH muốn ở với ông Ttrong thời gian bà H đi làm ăn xa. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường của các con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn ở với ông T cần giao ông Trương Lạnh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trương Lê Quang V, sinh ngày 11/8/2003 và Trương Lê MH, sinh ngày 02/6/2008 cho đến khi các con chung thành niên. Bà Lê Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/tháng/cháu là phù hợp với nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt và học tập của các con chung nên chấp nhận; thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án cho đến khi các con chung thành niên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; 56; 71; 81; 82; 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Cho ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Trương Lạnh T.

2. Về con chung:

Giao ông Trương Lạnh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trương Lê Quang V, sinh ngày 11/8/2003 và Trương Lê MH, sinh ngày 02/6/2008 cho đến khi các con chung thành niên. Bà Lê Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Trương Lê Quang V, sinh ngày 11/8/2003 và Trương Lê MH, sinh ngày 02/6/2008 với mức 1.000.000đ/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2019) cho đến khi các con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/0006424 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Bà Lê Thị H tiếp tục phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hạnh